

Số: 90/TB-ĐHKT-SĐH

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021
tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 21/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc Ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thông báo Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 như sau:

1. Các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ:

TT	Chuyên ngành	Mã số	Hình thức - Thời gian đào tạo
1	Kiến trúc	8.58.01.01	Tập trung – một năm rưỡi
2	Quy hoạch vùng và đô thị	8.58.01.05	Tập trung – một năm rưỡi
3	Quản lý đô thị và công trình	8.58.01.06	Tập trung – một năm rưỡi
4	Kỹ thuật xây dựng	8.58.02.01	Tập trung – một năm rưỡi
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8.58.02.10	Tập trung – một năm rưỡi

2. Đối tượng và điều kiện dự thi:

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

2.1. Về văn bằng như yêu cầu tại Mục 3.

2.2. Về thâm niên công tác:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học đạt loại trung bình khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; đạt loại trung bình phải sau một năm công tác (kể từ ngày cấp bằng) mới được dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn như Mục 9.

3. Yêu cầu về văn bằng đối với người dự tuyển:

3.1. Có bằng tốt nghiệp đại học đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành dự thi không phải học bổ sung kiến thức:

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Mã số	Bằng và chuyên ngành đại học
1	Kiến trúc	8.58.01.01	- Kiến trúc sư
2	Quy hoạch vùng và đô thị	8.58.01.05	- Kiến trúc sư

3	Quản lý đô thị và công trình	8.58.01.06	- Kỹ sư Quản lý đô thị - Kiến trúc sư và Kỹ sư các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
4	Kỹ thuật xây dựng	8.58.02.01	- Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8.58.02.10	- Kỹ sư Cấp thoát nước - Kỹ sư Kỹ thuật hạ tầng đô thị - Kỹ sư Kỹ thuật môi trường đô thị

Các trường hợp khác có bằng đại học tương đương sẽ được kiểm tra hồ sơ khi đăng ký dự thi.

3.2. Bằng tốt nghiệp đại học có chuyên ngành gắn với chuyên ngành dự thi hoặc khác ngành đối với ngành Quản lý đô thị & công trình (phải có 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý đô thị và công trình) phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

3.2.1. Chuyên ngành dự thi: Quy hoạch vùng và đô thị - Mã số 8.58.01.05

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Quy hoạch và quản lý giao thông vận tải	1- Xã hội học	2
* Kỹ sư Cấp thoát nước	2- Lý thuyết thiết kế đô thị	2
* Kỹ sư Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	3- Lý thuyết quy hoạch đô thị	2
...		

3.2.2. Chuyên ngành dự thi: Quản lý đô thị và công trình - Mã số 8.58.01.06

a. Nhóm 1:

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kiến trúc sư hoặc Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp (đào tạo ngoài Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)	1- Pháp luật xây dựng	1
...	2- Quản lý đô thị	2

b. Nhóm 2:

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Xây dựng cầu đường	1- Pháp luật xây dựng	1
* Kỹ sư Cấp thoát nước, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (đào tạo ngoài ĐH Kiến trúc Hà Nội)	2- Quản lý đô thị	2
* Kỹ sư Xây dựng cảng đường thủy	3- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	2
* Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ	4- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1	2
* Kỹ sư QH & quản lý giao thông vận tải		
* Kỹ sư Công trình thủy lợi		
* Kỹ sư Xây dựng công trình trên sông (Nhà máy thủy điện)		
* Kỹ sư tin học xây dựng		
* Kỹ sư Kinh tế xây dựng		
* Kỹ sư Công trình thủy điện		
...		

c. Nhóm 3:

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Thủy nông cải tạo đất	1- Pháp luật xây dựng	1
* Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi	2- Quản lý đô thị	2
* Kỹ sư Kinh tế vận tải	3- Quy hoạch XD phát triển đô thị	2
* Kỹ sư Lâm nghiệp đô thị	4- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1	2
...	5- Thiết kế kiến trúc	2
	6- Kinh tế đô thị	2

3.2.3. Chuyên ngành dự thi: Kỹ thuật xây dựng - Mã số 8.58.02.01

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Công trình ngầm (đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)	1- Kết cấu BTCT phần 2	2
* Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng (đào tạo ngoài Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội).	2- Kết cấu thép phần 2	2
....	3- Kỹ thuật thi công phần 2	2

3.2.4. Chuyên ngành dự thi: Kỹ thuật cơ sở hạ tầng - Mã số 8.58.02.10

Bằng và chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kỹ sư Xây dựng cầu đường	1- Quy hoạch giao thông đô thị	2
* Kỹ sư Xây dựng cảng đường thủy	2- Chuẩn bị kỹ thuật khu đất XD	2
* Kỹ sư Công trình thủy lợi	3- Thoát nước đô thị	2
....		

Tất cả các trường hợp có văn bằng tốt nghiệp đại học có chuyên ngành như đã thống kê tại Mục 3.2 và các trường hợp khác không thống kê ở trên sẽ được kiểm tra hồ sơ khi đăng ký dự thi.

3.3. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

4. Các môn thi tuyển sinh:

4.1. Các môn thi tuyển:

Thi tuyển sinh gồm 3 môn thi viết: Môn cơ bản (Toán cao cấp), Môn chủ chốt (Chuyên ngành), Môn ngoại ngữ (Tiếng Anh).

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Mã số	Môn cơ bản (Toán cao cấp)	Môn chủ chốt (Chuyên ngành)	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
1.	Kiến trúc	8.58.01.01	Toán B	Lịch sử kiến trúc	Trình độ 2/6 Khung ngoại ngữ Việt Nam
2.	Quy hoạch vùng và đô thị	8.58.01.05	Toán B	Lịch sử quy hoạch đô thị	Trình độ 2/6 Khung ngoại ngữ Việt Nam
3.	Quản lý đô thị và công trình	8.58.01.06	Toán B	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Trình độ 2/6 Khung ngoại ngữ Việt Nam
4.	Kỹ thuật xây dựng	8.58.02.01	Toán A	Sức bền vật liệu	Trình độ 2/6 Khung ngoại ngữ Việt Nam
5.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8.58.02.10	Toán A	Kỹ thuật hạ tầng	Trình độ 2/6 Khung ngoại ngữ Việt Nam

4.2. Miễn thi môn ngoại ngữ:

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam bằng tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tiếng Anh cấp độ từ 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sẽ xác định tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương theo Phụ lục II kèm theo Thông báo tuyển sinh này.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

5.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a tại Mục này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Mức ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 5.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại Mục 4.2 và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi Toán.

6. Hồ sơ dự tuyển:

- Đơn xin dự thi (theo mẫu)

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Cơ quan hoặc chính quyền địa phương (đối với thí sinh tự do).

- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm (có công chứng), các chứng chỉ chuyển đổi kiến thức (nếu thí sinh học liên thông từ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thì phải có bằng và bằng điểm Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp; nếu dự thi theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bằng điểm của văn bằng 1); các chứng chỉ bổ sung kiến thức chuyên ngành (nếu có).

- Giấy công nhận văn bằng nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

- Bản sao có công chứng bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có).

- Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ (của bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng).

- Bản sao có công chứng giấy tờ để minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Giấy xác nhận thâm niên công tác cho đối tượng khác ngành của chuyên ngành dự thi Quản lý đô thị và công trình.

- 02 ảnh 4 x 6 (cm) chụp kiểu chứng minh thư và 03 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh.

7. Chỉ tiêu tuyển sinh: dự kiến 200 chỉ tiêu các chuyên ngành (chỉ tiêu chính thức sẽ thông báo theo phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8. Giá dịch vụ thi tuyển và đào tạo:

Giá dịch vụ thi tuyển và giá dịch vụ đào tạo theo qui định hiện hành hoặc theo mức phí đảm bảo tính đủ chi phí.

9. Thời gian học bổ sung kiến thức và bồi dưỡng kiến thức:

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 09/8/2021 - 08/10/2021 tại Văn phòng Khoa Sau đại học, Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội (Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội).

- Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: từ ngày 09/8/2021 - 04/9/2021 tại Văn phòng Khoa Sau đại học.

(Nộp bản sao bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm có công chứng khi đăng ký)

- Thời gian học bổ sung kiến thức: từ ngày 06/9/2021 - 16/10/2021 tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.

- Thời gian học bồi dưỡng kiến thức: từ ngày 20/9/2021 - 31/10/2021 tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội (nộp đơn theo mẫu trước ngày 19/9/2021).

(Thông báo tại Văn phòng Khoa Sau đại học và trên Website trường)

10. Thời gian nộp hồ sơ:

- Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 04/10/2021 - 23/10/2021

- Địa điểm: Văn phòng Khoa Sau đại học, U304, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

11. Thời gian thi tuyển, công bố kết quả, khai giảng:

- Thời gian thi tuyển: dự kiến ngày 13 và 14/11/2021

- Địa điểm thi tuyển: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Thời gian công bố kết quả thi: tháng 11/2021

- Thời gian nhập học: tháng 12/2021

- Thời gian khai giảng: dự kiến tháng 12/2021

12. Liên hệ:

Để biết thêm thông tin xin liên hệ :

- Văn phòng Khoa Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

- Điện thoại: 024 38 542 051

- Website: www.hau.edu.vn

- Email: khoasaudaihoc@hau.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;

- Các đối tượng có nhu cầu dự tuyển;

- Các phương tiện thông tin đại chúng;

- Website trường;



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Quân

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phan